



CTCP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

NƯỚC



SẠCH



ĐẾN



**MỌI
NHÀ**

2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đồng Nai, tháng 04 năm 2013



Thông điệp từ Chủ Tịch HĐQT

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát
Lịch sử hình thành và phát triển
Lĩnh vực hoạt động
Sơ đồ tổ chức
Mục tiêu và định hướng tương lai
Rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Thông tin cổ đông

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
Kế hoạch phát triển tương lai

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
Quan hệ cổ đông

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

**KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG
và TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN**

Năm 2012, dưới sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng bị tác động mạnh. Theo thống kê có khoảng 55.000 doanh nghiệp đã giải thể, ngừng hoạt động, khiến cả triệu người lao động rơi vào cảnh thất nghiệp.

Trong bối cảnh phức tạp của nền kinh tế, những kết quả đạt được trong năm là sự tương thưởng xứng đáng cho những nỗ lực không biết mệt mỏi của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt trên 30,3 tỷ đồng vượt mức 8% so với năm 2011, và kế hoạch 2012 đề ra. Đặc biệt, đây cũng là năm đánh dấu sự kiện Công ty niêm yết thành công trên sàn UPCoM với mức vốn hóa là 50 tỷ đồng.

Tiếp nối thành công đó, với sứ mạng là cung cấp nước sạch phục vụ cộng đồng, cùng với nội lực của Công ty và sự gắn bó của các nhà đầu tư, Công ty hy vọng sẽ tiếp tục khẳng định và phát triển thương hiệu Cấp nước Nhơn Trạch lớn mạnh hơn nữa trong tương lai.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, tôi xin trân trọng cảm ơn những đóng góp của Quý cổ đông, và toàn thể cán bộ công nhân viên.

Chúc toàn thể Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng.

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN ANH TUẤN

TỔNG DOANH THU

124.279.804.063 đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

30.378.876.454 đồng

THU NHẬP BÌNH QUÂN

6.060.000 đồng/người/tháng



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát
Lịch sử hình thành và phát triển
Lĩnh vực hoạt động
Sơ đồ tổ chức
Mục tiêu và định hướng tương lai
Rủi ro

Thông tin khái quát

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**
Tên tiếng Anh : NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : NTWA



Vốn điều lệ : 50.000.000.000 VND
(Năm mươi tỷ đồng Việt Nam.)
Trụ sở chính : KCN Nhơn Trạch, đường 319B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại : 061-3560574
Fax : 061-3560031
Email : nhotrawa@ntw.com.vn
Website : www.ntw.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD : 3600977120 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 5 năm 2012.
Mã CK : NTW

Lịch sử hình thành và phát triển

2012

Niêm yết trên sàn giao dịch UPCoM với vốn điều lệ là

50.000.000.0000 đồng.

2008

24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. Ngày 14/2/2008 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498.

2007

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty cổ phần”

1997

Tiền thân: Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở xây dựng Đồng Nai và đến tháng 08/2004 UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 36/QĐ.CT.UBT ngày 11/8/2004.

Lĩnh vực hoạt động

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước:

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt.
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp.
- Phân phối nước sạch.

Xây dựng công trình công ích:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước.
- Xây dựng trạm bơm.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí:

- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

- Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình.
- Xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

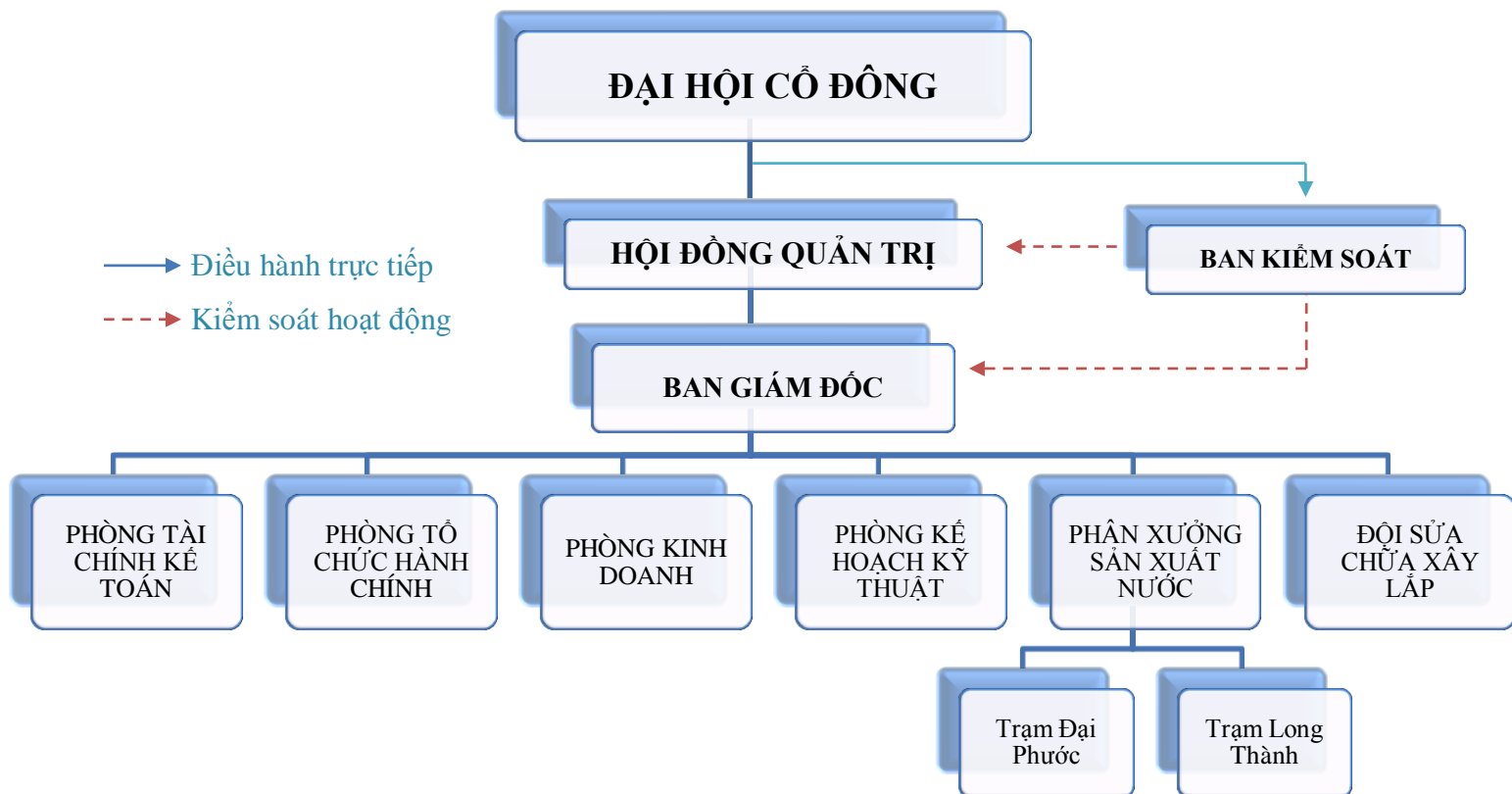


Sơ đồ tổ chức

Mô hình quản trị Công ty

Hiện tại, Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch đang hoạt động với mô hình công ty mẹ- con với Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Đồng Nai. Trong đó, Công ty mẹ nắm giữ 52,44 % tương ứng với 2.621.868 cổ phần của Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết: Không có.



Mục tiêu và định hướng tương lai

Các mục tiêu chủ yếu của của Công ty

Công ty luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cổ đông và cấp nước an sinh xã hội. Cụ thể:

Mục tiêu đảm bảo doanh thu và lợi nhuận trong năm 2013 tăng cao hơn năm 2012.

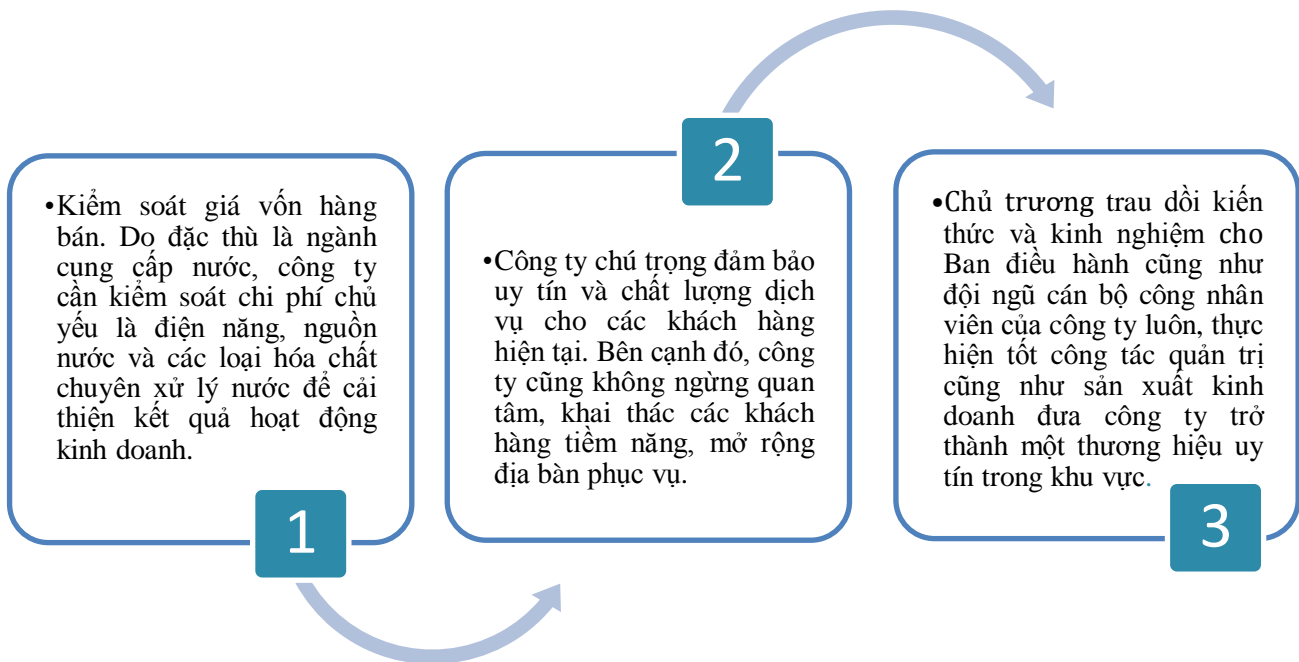


Phấn đấu hoàn thành, triển khai một số dự án đầu tư như nâng cao năng suất khai thác nước, cải tạo một số mạng lưới đường ống dẫn, xây dựng hệ thống cấp nước cho các khu công nghiệp, hộ dân cư, xây dựng văn phòng làm việc.

Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực và tạo bước phát triển vững chắc cho chính Công ty trong tương lai.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên Công ty tiếp tục duy trì các chiến lược hoạt động phát triển trung và dài hạn như đã đề ra trong các năm trước:



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất nước sạch và phân phối nước, Công ty luôn chú trọng trách nhiệm của mình đối với các vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

Đối với môi trường

Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng chất lượng nước, đảm bảo được các chỉ tiêu Lý- Hóa và vi sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Đồng thời Công ty cũng có biện pháp xử lý các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công.

Đối với xã hội, cộng đồng

Công ty luôn nỗ lực cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, cải cách thủ tục để đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục, ổn định, với áp lực và chất lượng cao nhất một cách kịp thời cho mọi nhu cầu của nhân dân và khách hàng;

Bên cạnh đó, ý thức được ý nghĩa cao đẹp của Công tác từ thiện, Ban lãnh đạo luôn đứng ra khởi xướng và kêu gọi thêm những tấm lòng vàng trong Công ty. Cụ thể, trong năm 2012, Công ty đã tuyên truyền vận động CB-CNV thực hiện đóng góp ủng hộ đồng bào miền trung bị bão lụt, quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ học giỏi sống tốt... với tổng số tiền là 33.000.000 đồng.



“

Tiếp nối truyền thống những năm qua, trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

”



Rủi ro

Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc thù của ngành, Công ty buộc phải đầu tư các công trình cấp nước đón đầu các dự án quy hoạch dân cư, khu công nghiệp với chi phí đầu tư lớn kèm với những rủi ro về thay đổi chính sách, quy hoạch. Mặc dù vậy, do địa bàn hoạt động của Công ty là địa phương có tốc độ đô thị hóa khá cao, triển vọng phát triển kinh tế - xã hội có nhiều thuận lợi (*Theo báo cáo của UBND tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2012 của tỉnh đạt ở mức 12,1% , gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng chung của cả nước*), nên rủi ro này không phải là điều quá lo ngại.

Tuy nhiên, là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành cấp nước nên ít nhiều vẫn mang tính chất công ích, phục vụ cộng đồng. Đặc biệt là việc cung cấp nước sạch đến các xã anh hùng, vùng nông thôn, khu vực đặc biệt khó khăn... với chi phí cao mà giá bán chưa hợp lý, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro nguyên vật liệu, giá cả các yếu tố đầu vào

Hầu hết các nguyên phụ liệu Công ty đều mua từ các nhà cung cấp nên giá cả và chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nguồn cung cấp nguyên liệu cho Công ty hiện tại nhìn chung khá ổn định do Công ty và các nhà cung cấp có mối quan hệ gắn bó từ rất lâu. Do đó rủi ro về nguyên vật liệu cung cấp là không đáng kể.

Rủi ro về mạng lưới hoạt động

Với hệ thống mạng lưới phân bố rộng, Công ty gặp nhiều vấn đề về rủi ro thất thoát nước trong quá trình chuyển tải. Ngoài ra, còn có những vấn đề ngày càng phức tạp đòi hỏi sự góp sức của nhiều đơn vị liên quan và cả cộng đồng như: tình trạng xâm phạm hành lang an toàn các tuyến ống, tình trạng ô nhiễm nguồn nước. Với những khó khăn như trên, Công ty đã bố trí các cán bộ chuyên trách định kỳ kiểm tra và rà soát hệ thống mạng lưới nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

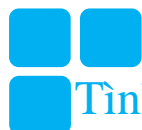
Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	% 2012/2011	KH 2012	% 2012/KH 2012
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	114.675	124.280	108,38%	123.386	100,72%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	77.460	87.196	112,57%	86.965	100,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	37.215	37.084	99,65%	37.271	99,50%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	27.911	30.379	108,84%	27.953	108,68%

Tổng doanh thu năm 2012 của Công ty đạt hơn 124 tỷ tăng 8,38% so với năm 2011. Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông năm 2011 đề ra. Trong khi đó, tổng chi phí trong năm đạt mức 87,2 tỷ đồng tăng 2,57 % so với năm 2011 và tăng 0,27% so với kế hoạch năm 2012.

Do sự gia tăng trong chi phí, lợi nhuận trước thuế năm 2012 của Công ty bằng 99,65% so với năm 2011, và đạt 99,5% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, nhờ vào chính sách tháo gỡ khó khăn của Chính phủ thông qua Nghị quyết 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012, Công ty đã tiết kiệm được 30% thuế TNDN. Lợi nhuận sau thuế của Công ty qua đó đạt mức trên 30,37 tỷ đồng, vượt hơn 8% so với 2011, và kế hoạch đề ra.

Đáng nói là trong năm 2012 vừa qua, có 55.000 doanh nghiệp đã giải thể, ngừng hoạt động, hàng triệu người lao động rơi vào cảnh thất nghiệp. Con số tăng trưởng 8% là kết quả xứng đáng, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của ban lãnh đạo, và toàn thể CB-CNV Công ty.



Tổ chức nhân sự

 Thông tin Ban điều hành:

1. Ông NGUYỄN ANH TUẤN – Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/05/1967
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Cấp thoát nước
- Quá trình công tác:
 - 1986-1988: Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành – Đồng Nai.
 - 1988-1989: Công ty Dừa Long Thành – Đồng Nai.
 - 1989-1997: Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai.
 - 1997-nay : Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Tổng Giám đốc
kiêm Chủ tịch HĐQT.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,6 % tương ứng với 30.000 cổ phần.
- Số cổ phần của người có liên quan: Đặng Thị Tâm- 16.600.

2. Ông NGÔ DƯƠNG ĐẠI- Phó Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/12/1979
- Nơi sinh : Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 2001-5/2012: Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai nay là Công ty TNHH 1 TV Cấp nước Đồng Nai.
 - 6/2012-nay : Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch.
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc
kiêm thành viên HĐQT.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0 %.
- Số cổ phần của người có liên quan: không có.

3. Ông VÕ QUANG HỒNG – Phó Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/07/1958
- Nơi sinh : Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư đô thị
- Quá trình công tác:
 - 1978-2002: xí nghiệp nước Long Khánh- Đồng Nai.
 - 2002-nay : xí nghiệp nước Nhơn Trạch nay là Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch.
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc.
 - Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,09 % tương ứng với 4.666 cổ phần.
 - Số cổ phần của người có liên quan: không có.

4. Ông TRẦN VĂN THÙY- Kế toán Trưởng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/08/1979
- Nơi sinh : Nam Định
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 2002-nay : Liên tục làm việc tại Xí nghiệp nước Nhon Trạch nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch.
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán Trưởng.
 - Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,02% tương ứng với 800 cổ phần.
 - Số cổ phần của người có liên quan: không có.

 Những thay đổi trong ban điều hành

Thành viên BDH	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Lý do
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc	01/08/2012	Thay đổi nhân sự

 Số lượng và cơ cấu cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ		
	Trình độ đại học, trên đại học	21	27,27%
	Trình độ cao đẳng, trung cấp	6	7,79%
	Khác	50	64,94%
II	Địa bàn công tác	77	
	Nhà máy nước Nhơn Trạch	67	87,0%
	Trạm Đại Phước	5	6,5%
	Trạm Long Thành	5	6,5%
II	Trình độ lao động	77	
	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	31	40,3%
	Trình độ bậc thợ	46	59,7%

Năm 2012, số lượng CB-CNV của Công ty là 77 người, tăng 11 người so với năm 2011. Thu nhập người lao động cũng được cải thiện. Năm 2011, thu nhập bình quân của Công ty ở mức 5,849 triệu đồng, thì năm 2012, đã tăng vượt mức 6 triệu đồng/người/tháng.





Chính sách đối với người lao động

Những năm qua, Công ty luôn tự hào về chất lượng nguồn lao động: Các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty là những cán bộ có trình độ, có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành cấp nước, thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực quản lý; cán bộ cấp trung đa số là những cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chịu khó học hỏi và năng động trong công việc. Để gặt hái thêm những thành công trong tương lai, Công ty tiếp tục theo đuổi các chính sách phát triển nguồn nhân lực như những năm qua:

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Cụ thể, năm 2012 đã lập quy hoạch, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm cán bộ theo đúng qui trình, qui định. Trong năm đã bổ nhiệm cán bộ: 01 phó giám đốc, 01 quyền trưởng phòng, 04 phó phòng theo đúng quy định.

Công tác đào tạo

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn Công ty. Cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo tay nghề cho công nhân nhằm nâng bậc tay nghề. Các cán bộ quản lý được Công ty hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên ngành,... Công ty cũng khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, trau dồi trình độ chuyên môn.

Năm 2012, Công ty đã Tạo điều kiện cho 03 CB-CNV theo các lớp đại học và 08 CB-CNV tập huấn nghiệp vụ. Tổ chức huấn luyện cho 46 CB-CNV học tập công tác vận hành, lắp đặt, an toàn lao động Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo tay nghề cho công nhân nhằm nâng bậc tay nghề. Các cán bộ quản lý được Công ty hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên ngành,... Công ty cũng khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, trau dồi trình độ chuyên môn.

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Chính sách lương, thưởng

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Ngoài ra, Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất hoặc tổ chức các chuyến du lịch nghỉ dưỡng cho các cá nhân, và tập thể có thành tích xuất sắc.



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án



Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2012, Công ty đã triển khai thực hiện 12 dự án đầu tư XDCB đã được Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông thông qua:

- **Xây dựng nhà văn phòng:** Công ty đang phối hợp với Công ty mẹ và sở ngành giải quyết hồ sơ đất, đang triển khai lấy ý kiến thiết kế cơ sở.
- **Cải tạo và nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước công suất 2.500m³/ngày.đêm :** Công ty đã thi công xong các hạng mục Trạm bơm giếng, hệ thống tuyến ống thu nước thô và cấp động lực. Riêng trạm xử lý nước đang được chỉnh sửa thiết kế cơ sở.
- **Xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành:** Công ty đã thẩm tra TKKT - tổng dự toán và đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo quy định.
- **Xây dựng hàng rào bảo vệ trạm bơm Đại Phước:** đang thi công xây dựng, hiện tạm ngưng thi công do vướng hộ dân không chịu di dời, Công ty đang phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết.
- **Cải tạo, sửa chữa trạm bơm nước thô (Trạm 1A):** Công ty đã thi công, nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình.
- **Tuyến ống cấp nước từ đường 319B đến Hương Lộ 19 xã Long Thọ:** Công ty đã hoàn thành thẩm tra TKKT - tổng dự toán và đang triển khai các bước tiếp theo, để triển khai thi công công trình.
- **Sửa chữa nhà làm việc Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch:** Công ty thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình.
- **Lắp đặt tuyến ống cấp nước qua cầu Phước Lý:** Công ty đã gửi hồ sơ xin phép sở giao thông để xin lắp đặt qua cầu Phước Lý cấp nước phục vụ nhân dân trong dịp tết nguyên đán.
- **Xây dựng hệ thống giếng cung cấp nước cho Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa :** Công ty nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình.
- **Cải tạo nâng cấp trạm biến áp 320KVA lên 560KVA :** Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình.
- **Cải tạo đường ống cấp nước Trạm bơm Đại Phước:** Công ty thi công hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán Công trình.
- **Thay thế van điện cụm xử lý – Nhà máy nước Nhơn Trạch:** Công ty đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	% 2012 / 2011
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	88.027.614.079	139.102.329.847	58,02%
2	Doanh thu thuần	đồng	113.878.987.003	122.000.665.115	7,13%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	37.205.534.150	36.999.104.238	-0,55%
4	Lợi nhuận khác	đồng	9.167.791	84.589.915	822,69%
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	37.214.701.941	37.083.694.153	-0,35%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	27.910.772.908	30.378.876.454	8,84%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	26,87	32,92	22,52%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,02	3,82
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,70	3,51
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	17,39%	15,55%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,05%	18,41%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,52	13,84
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,43	1,07
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,51%	24,90%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	44,69%	31,95%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	35,02%	26,75%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	32,67%	30,33%

Xem xét các chỉ tiêu tài chính, ta thấy hệ số thanh toán ngắn hạn, và thanh toán nhanh của Công ty khá ấn tượng: 1 đồng nợ của Công ty được đảm bảo bằng trên 3,5 đồng tài sản. Hai chỉ tiêu này đều tăng đáng kể so với năm 2011.

Trong năm, việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ thành công, đã làm cho quy mô Vốn chủ sở hữu Công ty tăng vượt trội từ 72,7 tỷ lên trên 117 tỷ đồng. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn Công ty qua đó sụt giảm so với năm 2011.

Các chỉ tiêu vòng quay Hàng tồn kho, và vòng quay Tổng tài sản đều giảm so với 2011. Nguyên nhân là hàng tồn kho, và đặc biệt Tổng tài sản đều tăng so với năm 2011.

Trừ chỉ tiêu về hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng 1,6 % , các chỉ tiêu sinh lợi khác đều giảm so với năm 2011. Kết quả này xuất phát từ biến động lớn trong vốn chủ sở hữu, tổng tài sản trong năm như đã trình bày.



Thông tin cổ đông

Thông tin cổ phần

- Số cổ phần đang lưu hành: 5.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Nhà nước	1	2.621.868	52,437 %
Cổ đông trong nước	241	2.279.966	45,600 %
Tổ chức	5	411.833	8,237 %
Cá nhân	236	1.868.133	37,363 %
Cổ đông nước ngoài	7	98.166	1,963 %
Tổ chức	1	98.066	1,961 %
Cá nhân	1	100	0,002 %
Tổng cộng	244	5.000.000	100 %

Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%):

Tên công ty	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	(061) 3.843.316
Giấy CNĐKKD	Số 4704000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/4/2004
Vốn điều lệ	400.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu tại NTW	52,437% vốn điều lệ, tương ứng 2.621.868 cổ phần

Nguồn_NTWA


Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn Điều lệ (từ 30 tỷ lên 50 tỷ) và được Trung tâm lưu ký Chứng Khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung 2.000.000 Cổ phiếu (tương ứng: 20 tỷ đồng) trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM) trong tháng 12 năm 2012;

Đồng thời, Công ty cũng đã điều chỉnh sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông đã mua thêm cổ phiếu.


Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.


Các chứng khoán khác: Không có.



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lí

Kế hoạch phát triển tương lai



Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2012, ngoài những khó khăn từ nền kinh tế vĩ mô, Công ty cũng phải đối mặt thêm những khó khăn về nguồn nước, hạn chế về mạng lưới phân phối, các sự cố kỹ thuật,.. Tuy nhiên, với nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được những thành tích rất khả quan:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2011	KH 2012	TH 2012	% 2012/2011	% 2012/KH 2012
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	114.675	123.386	124.280	108,38%	100,72%
	Sản xuất nước	Triệu đồng	97.800	116.886	108.990	111,44%	93,24%
	Xây lắp	Triệu đồng	16.079	6.500.	13.010	80,92%	200,16%
	Doanh thu khác	Triệu đồng	796	850	2.279	286,42%	268,13%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	27.911	27.953	30.379	108,84%	108,68%

Năm 2012 chỉ có doanh thu sản xuất nước của Công ty không đạt kế hoạch đề ra (dù tăng 11,44% so với năm 2011). Còn lại, tất cả các chỉ tiêu doanh thu khác đều tăng ấn tượng so với kế hoạch năm 2012. Đặc biệt, Công ty đã khá thành công trong việc tìm kiếm doanh thu từ các hoạt động phụ. Doanh thu từ hoạt động xây lắp, và các hoạt động khác đều đạt gấp 2 lần số kế hoạch năm 2012 đã đề ra. Tổng doanh thu của Công ty hoàn thành kế hoạch và tăng 8,38 % so với năm 2011. Cuối cùng, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trên mức 8% so với kế hoạch và cùng kì năm trước.

Cụ thể trong năm 2012, Công ty đã thực hiện các công tác sản xuất kinh doanh như sau:

Công tác sản xuất

Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ % so Kế hoạch
Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.567.656	16.568.435	100,00
Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	15.131.509	15.218.187	100,57
Nước thất thoát	%	8,67	8,15	

Trong năm 2012, Công ty đã nỗ lực vượt khó để đảm bảo sản xuất liên tục, cung cấp đủ lưu lượng và áp lực cần thiết cho khách hàng trong các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Long thành và Nhơn Trạch. Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ của Công ty đều vượt kế hoạch đề ra. Công ty cũng đã khá thành công trong việc giảm thiểu lượng nước thất thoát (0,52%).

Mặc dù tập trung tăng sản lượng nhưng Công ty cũng đặc biệt quan tâm tới chất lượng nước, sức khỏe người sử dụng. Chất lượng nước sản xuất luôn đạt các chỉ tiêu Lý- Hóa và vi sinh cho phép theo quy định của Bộ Y Tế.

Công tác phát triển khách hàng

Công ty cũng quan tâm đến công tác phát triển khách hàng, trong năm 2012 đã lắp đặt vỏ nước mới cho 972 khách hàng. Kết quả này tăng 388% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng sửa chữa di dời 76 hộ, thay đồng hồ 33 hộ, bảo hành đồng hồ 61 hộ.

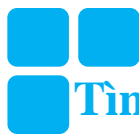
Ngoài ra, Công ty cũng mở rộng HTCN 12 hẻm bằng nguồn vốn dân tự đóng góp và nguồn vốn Công ty với chiều dài 3.238m ống HDPE các loại cung cấp nước cho các hộ dân xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch.



Công tác kiểm tra HTCN, thủy lượng kế khách hàng

Công ty đã tổ chức kiểm tra HTCN khách hàng, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, khắc phục và giải quyết nhanh các trường hợp đồng hồ hư, hoặc chạy không chính xác. Ngoài ra, Công ty cũng kiểm tra xử lý van và các thiết bị trên mạng lưới cấp nước nhằm hạn chế tỷ lệ nước thất thoát.

Trong năm 2012: Công ty đã kiểm tra thủy lượng kế và đường ống nhánh khách hàng: Nhơn Trạch 451 lần, Đại Phước 5.132 lần, Long Thành 3.492 lần.



Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng giảm	Tỷ trọng 2011	Tỷ trọng 2012
Tài sản ngắn hạn	30.692.003.214	82.700.186.458	169,45%	34,87%	59,45%
Tài sản dài hạn	57.335.610.865	56.402.143.389	-1,63%	65,13%	40,55%
TỔNG TÀI SẢN	88.027.614.079	139.102.329.847	58,02%	100,00%	100,00%
Nợ ngắn hạn	15.210.999.116	21.631.077.816	42,21%	99,37%	100,00%
Nợ dài hạn	95.839.096	0	-100,00%	0,63%	0,00%
NỢ PHẢI TRẢ	15.306.838.212	21.631.077.816	41,32%	100,00%	100,00%

Năm 2012, tổng tài sản và nợ ngắn hạn của Công ty đều tăng so với năm 2011.

Cụ thể, tổng tài sản tăng 58,02%. Mức tăng này có sự đóng góp đáng kể từ sự gia tăng của tài sản ngắn hạn (169,45%). Bên cạnh đó, tài sản dài hạn giảm 1,63% cũng làm cho cơ cấu tài sản trong năm biến động. Với sự gia tăng liên tục trong tỉ trọng qua 3 năm, tài sản ngắn hạn năm 2012 đã chiếm 59,45% cơ cấu tài sản của Công ty.

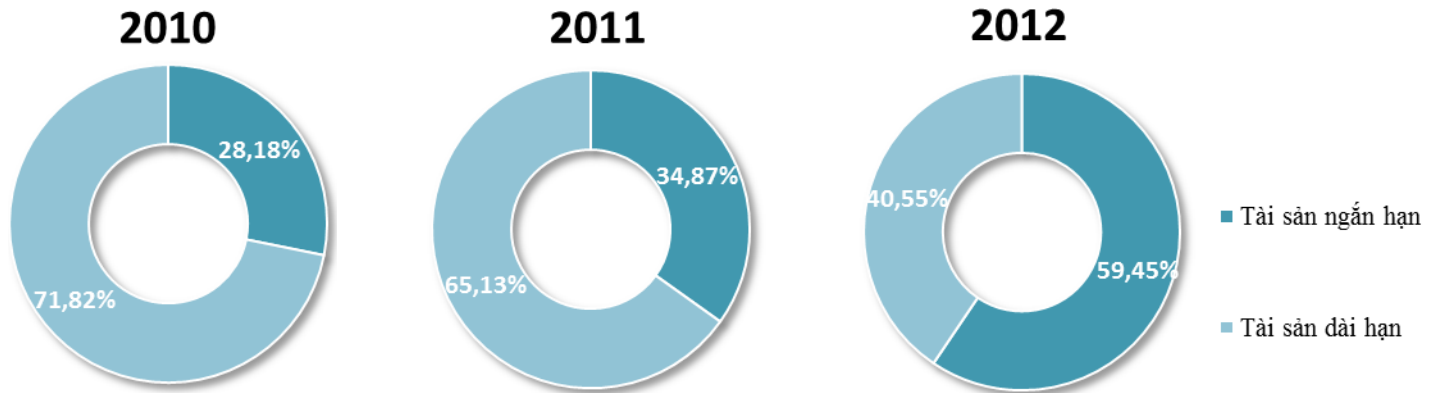
Tổng nợ của Công ty cũng tăng 41,32%. Kết quả này xuất phát từ sự gia tăng của nợ ngắn hạn (42,21%). Cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nhiều thay đổi. Trong năm 2012, nợ ngắn hạn chiếm toàn bộ giá trị khoản mục nợ phải trả (năm 2011 chiếm 99,37%).

Đặc biệt, khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty là đến từ các nghĩa vụ pháp lí đối với người bán, người mua, nhà nước, người lao động,.. trong những năm qua Công ty không có vay và nợ ngắn hạn.

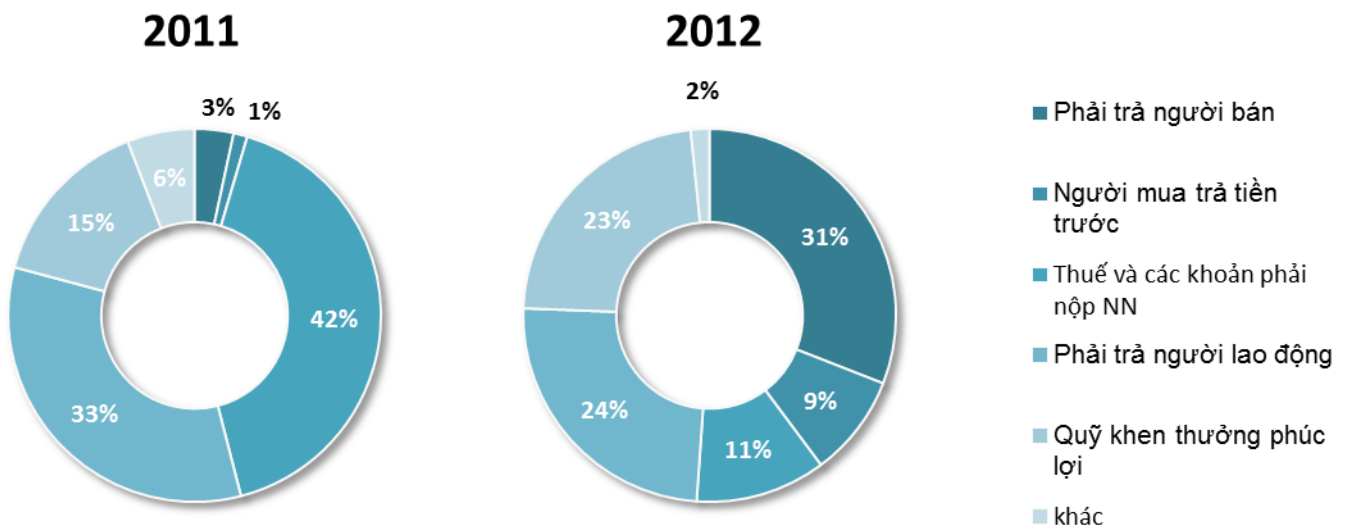
Trong khi đó, toàn bộ khoản Nợ dài hạn của Công ty năm 2011 là đến từ khoản mục dự phòng trợ cấp mất việc làm. Và trong năm 2012, Công ty cũng đã xử lý hoàn toàn khoản mục này.

Như vậy, với chủ trương không vay nợ, Công ty không gánh chịu những rủi ro từ ảnh hưởng của lãi suất.

Cơ cấu tài sản Công ty năm 2010-2012



Cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty năm 2011-2012



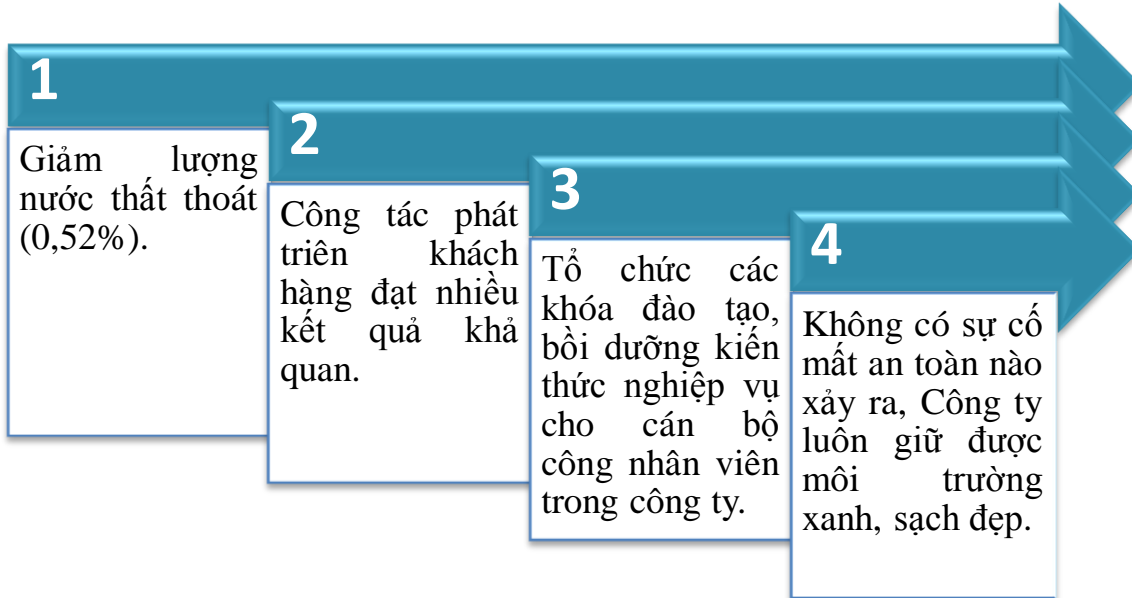
Trong năm, với tình hình khó khăn chung, Công ty đã dự phòng các khoản phải thu khó đòi hơn 1,5 tỷ đồng. Các khoản nợ xấu này có khả năng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì thế, Công ty chủ trương chủ động thu hồi, và lập dự phòng cho những trường hợp xấu nhất.

Ngoài ra, Công ty không chịu ảnh hưởng từ chênh lệch tỉ giá, chênh lệch lãi suất.

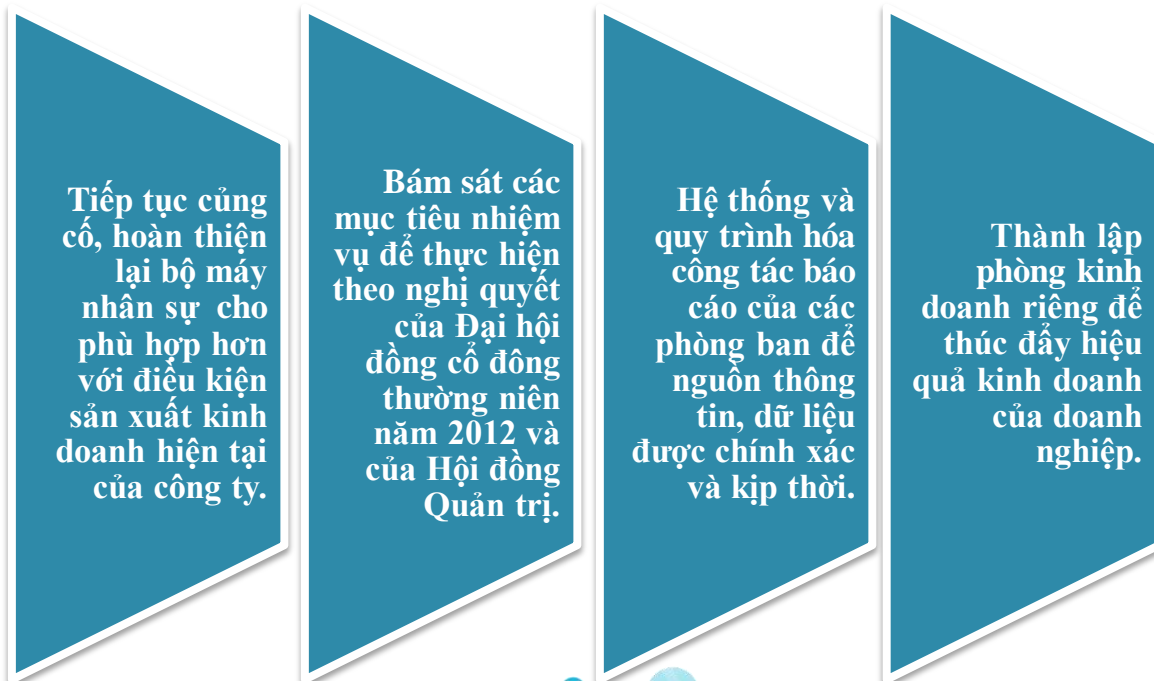


Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

 Những tiến bộ công ty đã đạt được



 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý





Kế hoạch phát triển trong tương lai



Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2013

Trong năm 2013, Công ty sẽ:

- Tiếp tục phổ biến, vận động và tuyên truyền cán bộ công nhân viên thực hiện tốt các quy định của Công ty, các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước; hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”.
- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, khai thác hợp lý nguồn lực hiện có, đảm bảo cung cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt.
- Triển khai các biện pháp cần thiết về nhân lực, mạng lưới phân phối, tiếp nhận có hiệu quả nguồn nước từ dự án Cấp nước Nhơn Trạch (CS:100.000m³/ngđ).
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì mạng lưới cấp nước, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng để hạn chế tỷ lệ thất thoát.
- Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn, ổn định.
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO: 9001-2008.
- Phối hợp chặt chẽ với địa phương để bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực và giải quyết một số công việc có liên quan đến hoạt động sản xuất- kinh doanh
- Thực hiện các thủ tục về đất đai, xác định quyền sử dụng giao đất, thuê đất theo luật định.
- Xây dựng bộ máy nhân sự tinh gọn, chất lượng đáp ứng được yêu cầu công việc; ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm trong công tác quản lý và điều hành Công ty.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 SXKD dự kiến như sau :

Số TT	Các chi tiết	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Tỷ lệ % 2013/2012
1.	SL nước SX và tiêu thụ				
	<i>Sản lượng nước sản xuất</i>	m ³	16.568.435	17.151.567	103,52
	<i>Sản lượng nước tiêu thụ</i>	m ³	15.218.187	15.783.247	103,71
	<i>Nước thất thoát</i>	%	8,15	7,98	-0,17
2.	Tổng Doanh thu	1.000đ	124.279.804	128.011.335	103,00
	<i>Sản xuất nước</i>	"	108.990.290	115.511.335	105,98
	<i>Xây lắp</i>	"	13.010.375	10.000.000	76,86
	<i>Doanh thu khác</i>		2.279.139	2.500.000	109,69
3.	Tổng chi phí	"	87.196.110	87.699.424	100,58
4.	Lợi nhuận trước thuế	"	37.083.694	40.311.910	108,71
5.	Lợi nhuận sau thuế	"	30.378.876	30.233.933	99,52
6.	Tỷ suất LNST/VĐL	%	60,76	60,47	99,53
7.	Các khoản nộp Ngân sách	1.000đ	16.033.544	16.478.544	102,78
8.	Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	20,00	20,00	100,00

Kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư năm 2013

Trong năm 2013, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, được hội đồng Quản trị, cổ đông thông qua. Đồng thời, Công ty cũng sẽ tăng cường giám sát các dự án do Công ty làm chủ đầu tư và các dự án kết nối với hệ thống cấp nước của Công ty nhằm đảm bảo an toàn về kỹ thuật, chất lượng và hiệu quả kinh tế- xã hội. Cụ thể :

- **Công trình xây dựng nhà văn phòng:** Hoàn thiện hồ sơ đất đai và các hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan để phê duyệt dự án và thực hiện các bước tiếp theo. Hoàn thiện hồ sơ, thi công nghiệm thu hoàn thành trong Quý I/2014.
- **Công trình Cải tạo nâng công suất trạm Đại Phước (hạng mục: Trạm xử lý công suất 2.500m³/ngày.đêm):** Hoàn thiện hồ sơ, thi công nghiệm thu hoàn thành trong Quý IV/2013.
- **Công trình trạm bơm tăng áp Phú Hữu (công suất 1.500m³/ngày.đêm):** Hoàn thành hồ sơ thiết kế, Báo cáo KTKT, đấu thầu và tiến hành thi công công trình. Thi công nghiệm thu hoàn thành trong Quý IV/2013.
- **Công trình xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành:** Thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng trong Quý II/2013.
- **Công trình xây dựng hàng rào và bảo vệ trạm bơm Đại Phước:** Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết giải phóng mặt bằng và tiếp tục thi công hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trong Quý II/2013.
- **Công trình Tuyến ống cấp nước từ đường 319B đến Hương Lộ 19 xã Long Thọ:** Thi công nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng Quý II/2013.
- **Thi công lắp đặt tuyến ống D150 cấp nước qua cầu Phước Lý xã Đại Phước:** Thi công nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng Quý II/2013.

Công tác phát triển khách hàng

Để phát triển khách hàng, năm 2013, Công ty sẽ:

- Đầu tư mở rộng hệ thống tuyến ống cấp nước cho các khu công nghiệp và khu dân cư trên địa bàn như : KCN Nhơn Trạch 6, KCN Lộc An - Bình sơn, Cụm công nghiệp dốc 47, Cảng Phước An; khu dân cư đông Sài Gòn....
- Kết hợp với địa phương và nhân dân đầu tư mở rộng HTCN các hẻm, áp thuộc các xã Hiệp Phước, Long Thọ, Đại Phước, Phú Hữu, Phú Đông và Phước Thiện bằng nguồn vốn Công ty và nguồn vốn khách hàng.
- Phấn đấu năm 2013 phát triển trên 2.000 hộ khách hàng.
- Nâng cao năng lực điều hành, quản lý Công ty và chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng.

Căn cứ hoàn thành kế hoạch

Với đặc thù ngành nghề chính là cung cấp nước- sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của các khu công nghiệp, khu dân cư, nên hoạt động của Công ty ít chịu ảnh hưởng của nền kinh tế.

Công ty cũng nhận được sự hỗ trợ của công ty mẹ (Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai), sự quan tâm của các cơ quan nhà nước chính quyền sở tại trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Với những thuận lợi trên, cùng với nội lực vốn có, Công ty đã luôn đảm bảo nguồn nước cho tất cả các khách hàng trong khu vực đặt biệt là các công ty sản xuất trong khu công nghiệp Long Thành và Nhơn Trạch, đồng thời cũng đáp ứng tốt nhu cầu an sinh xã hội.

Đặc biệt, với tốc độ phát triển của địa phương, nhu cầu nguồn nước trong tương lai là vô cùng đáng kể. Đây là cơ sở giúp Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, và hứa hẹn gặt hái những thành công mới trong năm 2013 và những năm tiếp theo.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch và định hướng của HĐQT





Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh. Cụ thể một số chỉ tiêu chính đã được kiểm toán, như sau:

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ % so KH 2012
1.	Doanh thu	1.000đ	123.386.383	124.279.804	100,72
	<i>Sản xuất nước</i>	"	116.886.383	108.990.290	93,24
	<i>Xây lắp</i>	"	6.500.000	13.010.375	200,16
	<i>Doanh thu khác</i>		850.000	2.279.139	268,13
2.	Tổng chi phí	"	86.965.468	87.196.110	100,27
3.	Lợi nhuận trước thuế	"	37.270.915	37.083.694	99,50
4	Lợi nhuận sau thuế	"	27.953.186	30.378.876	108,68
5.	Tỷ suất LNST/VĐL	%	55,91%	60,76%	108,67
6.	Các khoản nộp Ngân sách	1.000đ	11.379.973	16.033.544	140,89

Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty khi đã vượt qua những khó khăn, trở ngại hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội cổ đông thường niên 2012 đã đề ra.

Năm 2013, kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều diễn biến phức tạp. Ban Điều hành và tập thể CB-CNV Công ty cần phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm, năng lực điều hành ứng phó kịp thời và có hiệu quả những khó khăn trở ngại, khai thác có hiệu quả nguồn lực hiện có, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013.



Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2012, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các công tác sau:

1

- Thực hiện đúng theo tinh thần, định hướng hoạt động của Nghị quyết Đại hội cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT Công ty.

2

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ cung cấp nước an toàn và ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, KCN trên địa bàn 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

3

- Phối hợp ăn ý với HĐQT công ty trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch UPCoM.
- Duy trì, thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, đồng thời nâng cao chất lượng các cuộc họp.
- Thực hiện tốt việc giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng chiến lược ngắn hạn và dài hạn phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.
- Định hướng cho Công ty giữ vững và ổn định công tác sản xuất đảm bảo cung cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, Khu công nghiệp trên địa bàn 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch.
- Tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận, đầu tư phát triển khách hàng phù hợp, đảm bảo kinh doanh có lãi, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013, góp phần phát triển an sinh xã hội.
- Giám sát việc thực hiện cung cấp thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đề ra.



Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2013

Tổng doanh thu	:	128.011.335.000	đồng
Lợi nhuận trước thuế	:	40.311.910.000	đồng
Nộp Ngân sách	:	16.478.544.000	đồng
Cổ tức	:	20 %	



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,
Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Quan hệ cổ đông





Hội đồng quản trị



Thành viên và cơ cấu HĐQT

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	SLCP năm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	30.000	0,6%	Kiểm Giám Đốc
2	Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT	0	0%	Kiểm Phó Giám Đốc
3	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	3.000	0,06%	Không điều hành
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	0	0%	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Chí Quốc	Thành viên HĐQT	0	0%	Không điều hành
Tổng			33.000	0,66%	

Thay đổi thành viên HĐQT trong năm

S T T	Thành viên BDH	Chức vụ	Số CMND	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Lý do
1	Ông Nguyễn Xuân Thỉnh	Chủ tịch HĐQT	271144072	24/01/2008	27/04/2012	Thay đổi thành viên HĐQT
2	Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT	012049748	27/04/2012		Bổ sung thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	271599468	27/04/2012		Được bầu

 **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2012, HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên ngày 27/04/2012.

Để kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT đảm bảo Công ty hoạt động SXKD luôn ổn định hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012;

Ngoài ra, trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp với sự tham gia tương đối đầy đủ của các thành viên.

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ %	Lí do không tham dự
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	6	100	
2	Ông Nguyễn Cao Hà	Ủy viên HĐQT	6	100	
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	6	100	
4	Ông Nguyễn Chí Quốc	Ủy viên HĐQT	6	100	
5	Ông Ngô Dương Đại	Ủy viên HĐQT	3	50	

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 18 Nghị quyết liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, hoàn thiện việc bổ sung vốn điều lệ, thay đổi nhân sự... mà Đại hội đồng cổ đông năm 2012 đã phê duyệt. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Số TT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2012/NQ-HĐQT-NTWA	10/02/2012	V/v: Phê duyệt Quy chế trả lương, thưởng.
2	02/2012/NQ-HĐQT-NTWA	6/04/2012	V/v: Phê duyệt Nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2012.
3	03/2012/NQ-HĐQT-NTWA	26/04/2012	V/v: Phê duyệt Quyết toán sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2011.
4	04/2012/NQ-HĐQT-NTWA	27/04/2012	V/v: Chi trả tiền cổ tức và tiền thưởng năm 2011.
5	05/2012/NQ-HĐQT-NTWA	15/06/2012	V/v: Xem xét, chấp thuận đơn xin từ chức của Ô. Nguyễn Xuân Thịnh.
6	06/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Thống nhất nội dung phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

7	07/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Thành lập Phòng Kinh doanh Công ty.
8	08/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Chi thường cho Ban quản lý điều hành Công ty năm 2011.
9	09/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Thống nhất chủ trương đầu tư dự án Trạm bơm tăng áp Phú hữu- Công suất 2.500m ³ /ngđ.
10	10/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Thống nhất chủ trương đầu tư dự án tuyến ống cấp nước từ đường 319B đến HL 19 xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch.
11	11/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư XDCB 6 tháng đầu năm 2012.
12	12/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Tiếp nhận tài sản cố định công trình di dời giếng khoan và tuyến ống nước thô Khu công nghiệp vinatex Tân Tạo và Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 5.
13	13/2012/NQ-HĐQT-NTWA	24/07/2012	V/v: Thống nhất sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2012.
14	14/2012/NQ-HĐQT-NTWA	1/08/2012	V/v: Bổ nhiệm cán bộ.
15	16/2012/NQ-HĐQT-NTWA	16/10/2012	V/v: Phân phối số cổ phiếu còn lại.
16	17/2012/NQ-HĐQT-NTWA	20/10/2012	V/v: Thanh lý Tài sản cố định, vật tư thu hồi không sử dụng được.
17	18/2012/NQ-HĐQT-NTWA	20/10/2012	V/v: Điều chỉnh lương sản phẩm cho cán bộ công nhân viên Công ty.
18	19/2012/NQ-HĐQT-NTWA	20/10/2012	V/v: Thống nhất kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản 9 tháng năm 2012 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2012.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có.

Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, hoặc tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

Ban Kiểm soát

Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng BKS	0	0%
2	Bà Phùng Thị Thu Giang	Thành viên BKS	800	0,016%
3	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	0	0%
Tổng			800	0,016%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp là nhằm triển khai công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của Công ty.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên ban giám đốc

Đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2012, số lượng thành viên HĐQT được đại hội đồng cổ đông bầu là 5 người, đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của luật định. Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp thường kỳ. Từng thành viên có ý thức chấp hành pháp luật và điều lệ Công ty một cách nghiêm chỉnh, không có xung đột về quyền lợi. Chủ tịch HĐQT đã phân công cho từng thành viên hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao được vai trò trách nhiệm cao của từng cá nhân trước cổ đông trong công tác quản trị.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp 6 phiên họp thường kỳ, và ban hành 18 nghị quyết, xoay quanh các nội dung chủ yếu sau đây:

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra biện pháp tháo gỡ khó khăn thúc đẩy sản xuất phát triển. Kiểm điểm tình hình thực hiện chế độ chính sách về tài chính, chế độ đối với người công nhân và công tác thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản.
- Thay đổi nhân sự cho phù hợp hơn với hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành việc bổ sung vốn điều lệ.

Nhìn chung hoạt động của HĐQT là khá tốt, đề ra được các chính sách có tính chiến lược cho sự phát triển của Công ty.

Đối với Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty có 03 người một giám đốc và hai phó giám đốc, có đầy đủ trình độ và năng lực điều hành Công ty.

Ban giám đốc Công ty dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, cùng tổ chức quản chúng thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty, đảm bảo cho Công ty hoạt động hiệu quả cao, phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững.

Trong năm 2012, Công ty đã tổ chức đại hội công nhân viên chức, ký thỏa ước lao động tập thể với người đại diện người lao động. Thực hiện quy chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Đặc biệt là điều chỉnh lương sản phẩm cho cán bộ công nhân viên Công ty. Nhờ vậy, đời sống người lao động được cải thiện và nâng cao, người lao động an tâm công tác, tích cực lao động sản xuất. Ngoài ra, người lao động còn được Công ty cho đi đào tạo nâng cao trình độ và tay nghề hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài.

Công ty cũng hoàn thành công tác xã hội theo sự vận động của các đoàn thể mặt trận tổ quốc như ủng hộ đồng bào bị bão lụt, thiên tai, ủng hộ quỹ trẻ em nghèo hiếu học, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam...

Báo cáo đánh giá về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. Nội dung các cuộc trao đổi luôn hướng tới mục tiêu phù hợp với các định hướng của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước. Tuy nhiên, đôi khi vẫn còn một số vấn đề chưa đạt được sự thống nhất cao.

Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GD và Ban Kiểm soát

 Lương, thưởng, thù lao

	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao/ lợi ích khác	Ghi chú
Hội đồng Quản trị	Nguyễn Xuân Thịnh	Chủ tịch		90.000.000	24.000.000	
	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (mới)		50.000.000	42.000.000	
	Ngô Dương Đại	Ủy viên		5.000.000	15.000.000	
	Nguyễn Cao Hà	Ủy viên		45.000.000	30.000.000	
	Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên		45.000.000	30.000.000	
	Nguyễn Chí Quốc	Ủy viên		45.000.000	30.000.000	
	Tổng cộng			280.000.000	171.000.000	451.000.000
Ban Kiểm soát	Nguyễn Tấn Dũng	KS Trưởng		45.000.000	30.000.000	
	Phùng Thị Thu Giang	Ủy viên		10.000.000	15.600.000	
	Nguyễn Thị Phương Lan	Ủy viên		10.000.000	15.600.000	
	Tổng cộng			65.000.000	61.200.000	126.200.000
Cán bộ quản lí	Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc	532.983.600	44.699.000		
	Võ Quan Hồng	Phó GD	427.863.300	40.000.000		
	Ngô Dương Đại	Phó GD	206.551.000			
	Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng	319.583.000	25.000.000		
	Tổng cộng			109.699.000		

 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

S T T	Tên	Chức vụ/ Mối liên quan	Số lượng CP sở hữu đầu kì		Số lượng CP sở hữu cuối kì	Gh i ch ú
			Số lượng CP trước giao dịch	Tỉ lệ		
1	Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS	61.660	1,233%	0	

 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



Quan hệ cổ đông

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch hiểu rằng hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông.

Trong các năm qua, Công ty luôn cố gắng duy trì một kênh thông tin tương tác với cổ đông tại địa chỉ website:

<http://ntw.com.vn/quanhecodong.html>.

Năm 2013, Bên cạnh việc vẫn đảm bảo việc công bố thông tin đến cổ đông, khách hàng kịp thời, chính xác, Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch sẽ cố gắng tìm thêm những biện pháp đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban lãnh đạo trong công tác điều hành và quản trị Công ty.

Hy vọng rằng các cổ đông, nhà đầu tư hãy thông qua kênh thông tin này để hiểu và gắn bó hơn với hoạt động của Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





Số: 13.120/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 11 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013



ĐANG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH
Chứng chỉ KTV số 1505/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.700.186.458	30.692.003.214
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	59.228.178.168	12.221.996.911
1. Tiền	111		32.783.034.784	12.221.996.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.445.143.384	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	16.472.796.979	13.584.435.690
1. Phải thu khách hàng	131		16.674.765.894	13.157.023.280
2. Trả trước cho người bán	132		295.227.400	336.500.000
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.092.587.037	90.912.410
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.589.783.352)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	6.826.523.311	4.826.620.613
1. Hàng tồn kho	141		6.826.523.311	4.826.620.613
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		172.688.000	58.950.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		172.688.000	58.950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.402.143.389	57.335.610.865
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.402.143.389	57.335.610.865
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	55.791.351.644	56.907.950.036
+ Nguyên giá	222		114.953.599.712	105.713.482.624
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.162.248.068)	(48.805.532.588)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	2.833.333	8.500.000
+ Nguyên giá	228		36.500.000	36.500.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.666.667)	(28.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		607.958.412	419.160.829
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		139.102.329.847	88.027.614.079

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.631.077.816	15.306.838.212
I. Nợ ngắn hạn	310		21.631.077.816	15.210.999.116
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.6	6.692.425.055	513.115.590
3. Người mua trả tiền trước	313	5.6	1.918.785.045	182.154.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	2.445.463.917	6.301.535.510
5. Phải trả người lao động	315	5.8	5.297.871.592	5.043.560.315
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		350.351.960	888.664.579
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.9	4.926.180.247	2.281.968.957
II. Nợ dài hạn	330		-	95.839.096
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	95.839.096
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.471.252.031	72.720.775.867
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	117.471.252.031	72.720.775.867
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	5.043.138.411
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.219.428.276	12.832.594.303
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.829.808.890	1.434.270.245
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		30.378.876.454	23.410.772.908
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		139.102.329.847	88.027.614.079

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THỦY

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2013

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	124.487.779.115	113.894.520.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	2.487.114.000	15.533.125
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	122.000.665.115	113.878.987.003
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	80.622.103.529	73.979.329.264
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.378.561.586	39.899.657.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.029.473.569	785.548.219
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		394.400.503	227.509.719
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	6.014.530.414	3.252.162.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.999.104.238	37.205.534.150
11. Thu nhập khác	31		249.665.379	10.181.982
12. Chi phí khác	32		165.075.464	1.014.191
13. Lợi nhuận khác	40		84.589.915	9.167.791
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.083.694.153	37.214.701.941
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	6.704.817.700	9.303.929.033
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.378.876.454	27.910.772.908
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.10.4	9.111	9.304

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THỦY

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2013

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.083.694.153	37.214.701.941
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		10.362.382.147	9.345.166.636
Các khoản dự phòng	03		1.589.783.352	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.029.473.569)	(785.548.219)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		47.006.386.083	45.774.320.358
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.616.708.066)	(3.199.150.143)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.999.902.698)	(120.373.731)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		6.303.922.949	(7.620.484.374)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.166.035.334)	(5.880.443.228)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	71.925.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(260.604.000)	(276.645.735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		37.267.058.934	28.749.148.147
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.428.914.671)	(16.219.325.282)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.286.973.569	785.548.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.141.941.102)	(15.433.777.063)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		21.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.118.936.575)	(5.975.682.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.881.063.425	(5.975.682.725)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		47.006.181.257	7.339.688.359
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.221.996.911	4.882.308.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		59.228.178.168	12.221.996.911

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THÙY

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2013

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Cấp nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển đổi từ Xí nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường 319B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30 tỷ đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp.
- Phân phối nước sạch.
- Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm.
- Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước.
- Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế của năm 2011 sẽ được phân phối và trích lập các quỹ trong năm 2012 như sau:

- + Chia cổ tức là 25% trên vốn điều lệ của Công ty;
- + Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 10% lợi nhuận sau thuế;
- + Trích lập quỹ khen thưởng cho Ban điều hành và quản lý Công ty là 3% lợi nhuận sau thuế;
- + Trích quỹ dự phòng tài chính là 5% lợi nhuận sau thuế;
- + Trích quỹ đầu tư phát triển là giá trị còn lại sau khi trừ đi các quỹ.

Tỷ lệ trích các quỹ theo Nghị Quyết hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 25% thu nhập chịu thuế hàng năm.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	53.307.399	71.527.685
Tiền gửi ngân hàng	32.729.727.385	12.150.469.226
Các khoản tương đương tiền	26.445.143.384	-
Tổng cộng	59.228.178.168	12.221.996.911

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 8%/năm.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	16.674.765.894	13.157.023.280
Trả trước cho người bán	295.227.400	336.500.000
Các khoản phải thu khác	1.092.587.037	90.912.410
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	18.062.580.331	13.584.435.690
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.589.783.352)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	16.472.796.979	13.584.435.690

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong khoản phải thu các có khoản phải thu các bên liên quan – Công ty mẹ là 824.760.000 đồng – Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.826.523.311	4.185.002.089
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	641.618.524
Tổng cộng	6.826.523.311	4.826.620.613

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.935.699	12.951.616	79.282.290	543.878	105.713.483
Mua trong năm	2.852.667	2.703.804	1.083.061	119.528	6.759.060
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.090.858	4.220	385.979	-	2.481.057
Số dư cuối năm	17.879.224	15.659.640	80.751.330	663.406	114.953.600
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.499.385	9.497.984	29.432.718	375.446	48.805.533
Khấu hao trong năm	1.442.835	1.184.984	7.619.738	109.158	10.356.715
Số dư cuối năm	10.942.220	10.682.968	37.052.456	484.604	59.162.248
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.436.313	3.453.633	49.849.572	168.432	56.907.950
Tại ngày cuối năm	6.937.004	4.976.672	43.698.874	178.802	55.791.352

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.544.952.834 đồng.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, tài sản này được khấu hao trong 3 năm.

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	6.692.425.055	513.115.590
Người mua trả tiền trước	1.918.785.045	182.154.165
Tổng cộng	8.611.210.100	695.269.755

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan – Công ty mẹ là 4.635.203.322 đồng – Xem thêm mục 8.

Người mua trả tiền trước chủ yếu là khoản còn phải trả lại cho Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch do điều chỉnh giá bán nước sử dụng từ tháng 07 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012. Khoản này sẽ được trừ vào hóa đơn tiền nước sử dụng cho các tháng tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	435.273.442	898.941.194
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.793.709.776	5.254.927.411
Thuế thu nhập cá nhân	94.052.800	4.980.000
Thuế tài nguyên	122.427.899	142.686.905
Tổng cộng	2.445.463.917	6.301.535.510

5.8. Phải trả người lao động

Là khoản lương bổ sung năm 2012 phải trả cho cán bộ nhân viên và khoản trích trước 17% quỹ lương thực chi của năm 2012 để dự phòng chi lương cho năm tài chính tiếp theo.

5.9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.281.968.957	1.195.878.692
Trích lập trong năm	2.791.077.290	1.385.536.000
Sử dụng trong năm	(146.866.000)	(299.445.735)
Số dư cuối năm	4.926.180.247	2.281.968.957

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000	5.043.139	5.555.538	741.502	10.855.360	52.195.539
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	27.910.773	27.910.773
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.000.000)	(6.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	7.277.056	692.768	(9.355.360)	(1.385.536)
Số dư đầu năm nay	30.000.000	5.043.139	12.832.594	1.434.270	23.410.773	72.720.776
Tăng vốn năm nay	20.000.000	1.000.000	-	-	-	21.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	30.378.876	30.378.876
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	15.386.834	1.395.539	(20.410.773)	(3.628.400)
Số dư cuối năm nay	50.000.000	6.043.139	28.219.428	2.829.809	30.378.876	117.471.252

Vào ngày 31/10/2011, Công ty phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng. Công ty đang thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	26.218.680.000	15.731.210.000
Nhà đầu tư chiến lược	3.118.330.000	2.940.000.000
Công đoàn	1.000.000.000	600.000.000
Người lao động	2.138.900.000	359.000.000
Cổ đông khác ngoài doanh nghiệp	17.524.090.000	10.369.790.000
Tổng cộng	50.000.000.000	30.000.000.000

5.10.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.000.000	3.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

5.10.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	30.378.876.454	27.910.772.908
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.334.247	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	9.111	9.304

5.10.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	23.410.772.908	10.855.360.126
Lợi nhuận sau thuế trong năm	30.378.876.454	27.910.772.908
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(15.386.833.973)	(7.277.056.126)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(1.395.538.645)	(692.768.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.791.077.290)	(1.385.536.000)
Trích lập quỹ khen thưởng cho Ban điều hành và Quản lý	(837.323.000)	-
Chia cổ tức	(3.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	30.378.876.454	23.410.772.908

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động cung cấp nước	111.477.403.850	97.815.633.900
Doanh thu hoạt động lắp đặt	13.010.375.265	16.078.886.228
Giảm giá hàng bán	(2.487.114.000)	(15.533.125)
Doanh thu thuần	122.000.665.115	113.878.987.003

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước	68.914.006.723	60.894.538.426
Giá vốn của hoạt động lắp đặt	11.708.096.806	13.084.790.838
Tổng cộng	80.622.103.529	73.979.329.264

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi cho vay.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	196.576.092	108.896.600
Chi phí nhân công	3.227.956.038	2.261.831.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.824.288	95.405.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	477.256.822	348.432.717
Chi phí khác bằng tiền	408.133.822	437.596.523
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.589.783.352	-
Tổng cộng	6.014.530.414	3.252.162.089

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	37.083.694.153	37.214.701.941
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	359.775.464	1.014.191
Trừ thu nhập khác (lãi tiền gửi và tiền cho vay)	(2.029.473.569)	(785.548.219)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	35.413.996.048	36.430.167.913
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.853.499.012	9.107.541.978
Trừ 30% thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị Quyết 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012	(2.656.049.704)	-
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác (lãi tiền gửi và tiền cho vay)	507.368.392	196.387.055
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.704.817.700	9.303.929.033

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: thù lao của Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành quản lý doanh nghiệp, các khoản truy thu và phạt thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.178.792.957	47.850.557.218
Chi phí nhân công	15.236.093.736	11.842.666.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.362.382.147	9.345.166.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.384.016.801	6.726.417.765
Chi phí khác bằng tiền	2.638.346.929	2.335.811.407
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.589.783.352	-
Tổng cộng	86.389.415.922	78.100.619.596

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì công ty chỉ có hoạt động cung cấp nước sạch là chủ yếu, do vậy kết quả hoạt động kinh doanh tạo ra chủ yếu từ hoạt động này.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của công ty hoàn toàn diễn ra ở tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ Phần Cấp Nước Long Khánh	Công ty cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	824.760.000	-
Phải trả - Xem thêm mục 5.6	(4.635.203.322)	(324.588.536)
Tổng cộng	(3.810.443.322)	(324.588.536)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nước sạch	40.437.291.900	37.731.607.948
Mua tài sản cố định	2.852.667.022	12.260.290.000
Lãi cho vay	824.760.000	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	171.000.000	165.000.000
Lương Giám đốc	532.983.600	393.655.000
Lương Phó Giám đốc	427.863.300	300.919.400
Thù lao Ban Kiểm soát	61.200.000	57.900.000
Tổng cộng	1.193.046.900	917.474.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.228.178.168	12.221.996.911
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.767.352.931	13.239.283.280
Tổng cộng	76.995.531.099	25.461.280.191
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	6.692.425.055	513.115.590
Phải trả khác	145.875.500	263.345.075
Tổng cộng	6.838.300.555	776.460.665

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.692.425.055	-	6.692.425.055
Phải trả khác	145.875.500	-	145.875.500
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán	513.115.590	-	513.115.590
Phải trả khác	263.345.075	-	263.345.075

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.767.352.931	-	17.767.352.931
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.494.251.684	-	9.494.251.684

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 11 tháng 03 năm 2013.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THÙY

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT